

Số: 29 /QĐ-BVN

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách
năm 2026 của Bệnh viện Nhi Thanh Hóa**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Thông báo số 10631/TB-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2026 của Bệnh viện Nhi Thanh Hóa”.

Dự toán được giao: 3.300.000.000 đồng trong đó:

- Kinh phí chỉ đạo tuyến: 300.000.000 đồng.
- Kinh phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên: 3.000.000.000 đồng.

Địa điểm công khai tại tầng 5 nhà A Bệnh viện Nhi Thanh Hóa và website <http://bvnhihathanhhhoa.com>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Công nghệ thông tin tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính,
- Sở Y tế;
- Lưu :VT

GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Khoa

Đơn vị: Bệnh viện Nhi Thanh Hóa

Chương: 423



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 29 /QĐ- BVN ngày 12 / 01 /2026 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Thanh Hóa)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu BHYT, viện phí, dịch vụ	467.088
1	Thu BHYT, viện phí	376.140
2	Thu dịch vụ	90.948
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.300
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.300
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.300
	- Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	3.000
	- Mục 6652- Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	260
	- Mục 6702- Phụ cấp công tác phí	20
	- Mục 6703- Tiền thuê phòng nghỉ	20